



Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Báo cáo tài chính tổng hợp
giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Bùi Duy Chinh	Chủ tịch
	Ông Mai Tiến Dũng	Thành viên
	Ông Phan Văn Hùng	Thành viên
	Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên
	Ông Trần Đăng Thành	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Mai Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Phan Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Đăng Thành	Phó Tổng Giám đốc
		(đến ngày 31 tháng 5 năm 2017)

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1758/2004/QĐ-BTM ngày 29 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0103008113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 6 năm 2005. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 5 số 0100107772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 23 tháng 5 năm 2011, Công ty Cổ phần Giám định Vinacontrol đã được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100107772 ngày 29 tháng 7 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại số 54 Phố Trần Nhân Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 10.670 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 8.528 triệu VND).

Ngày 21 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 8.400 triệu VND (ngày 26 tháng 3 năm 2016: 13.649 triệu VND).

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-104-SX-R



Dàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol**Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 6 năm 2017****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		70.474.265.301	75.479.757.590
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	21.786.179.903	24.990.780.507
Tiền	111		20.094.766.401	20.487.197.174
Các khoản tương đương tiền	112		1.691.413.502	4.503.583.333
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		559.000.000	559.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	1.460.200.000	1.460.200.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	(901.200.000)	(901.200.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.601.989.774	49.483.121.736
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	41.995.530.006	35.639.109.476
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		516.817.464	566.234.100
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	9.551.022.393	17.528.037.706
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(4.461.380.089)	(4.250.259.546)
Hàng tồn kho	140		397.956.092	403.863.207
Hàng tồn kho	141		397.956.092	403.863.207
Tài sản ngắn hạn khác	150		129.139.532	42.992.140
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		129.139.532	42.992.140

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		148.314.820.988	148.906.246.092
Tài sản cố định	220		72.549.638.700	74.214.903.978
Tài sản cố định hữu hình	221	13	63.131.619.981	64.760.052.759
Nguyên giá	222		104.094.197.252	101.955.780.888
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.962.577.271)	(37.195.728.129)
Tài sản cố định vô hình	227	14	9.418.018.719	9.454.851.219
Nguyên giá	228		9.967.263.678	9.967.263.678
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(549.244.959)	(512.412.459)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.788.983.852	65.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	1.788.983.852	65.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	63.100.000.000	63.100.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		61.550.000.000	61.550.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.550.000.000	1.550.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		10.876.198.436	11.526.342.114
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	10.876.198.436	11.526.342.114
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		218.789.086.289	224.386.003.682

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		42.227.097.710	46.180.701.078
Nợ ngắn hạn	310		32.820.533.094	33.594.422.616
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	3.156.718.321	3.564.211.198
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.566.010.038	1.576.638.952
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	4.805.762.667	3.277.053.671
Phải trả người lao động	314		15.629.384.026	17.122.939.269
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.457.090.222	1.979.193.810
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	2.033.991.143	2.565.544.005
Vay ngắn hạn	320	21	958.855.384	3.459.141.538
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	22	1.212.721.293	49.700.173
Nợ dài hạn	330		9.406.564.616	12.586.278.462
Vay dài hạn	338	21	9.406.564.616	12.586.278.462
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		176.561.988.579	178.205.302.604
Vốn chủ sở hữu	410	23	176.561.988.579	178.205.302.604
Vốn cổ phần	411	24	104.999.550.000	104.999.550.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		104.999.550.000	104.999.550.000
Cổ phiếu quỹ	415	24	(3.954.000)	(3.954.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	60.898.173.223	50.455.687.266
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.668.219.356	22.754.019.338
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(1.835.739)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.670.055.095	22.754.019.338
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		218.789.086.289	224.386.003.682

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Người duyệt:



Nguyễn Thị Minh Thu
Kế toán tổng hợp



Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này

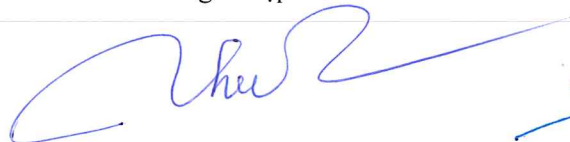
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	28	109.906.585.526	104.227.941.425
Giá vốn hàng bán	11		71.467.847.809	72.173.861.360
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		38.438.737.717	32.054.080.065
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	604.987.788	1.350.239.828
Chi phí tài chính	22	30	942.493.130	695.688.734
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		893.179.725	633.380.293
Chi phí bán hàng	25		8.081.136.322	7.807.146.612
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	17.053.581.580	14.397.823.440
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		12.966.514.473	10.503.661.107
Thu nhập khác	31		468.523.571	45.541.523
Chi phí khác	32		191.214.318	9.230.257
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		277.309.253	36.311.266
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.243.823.726	10.539.972.373
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	2.573.768.631	2.012.156.107
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		10.670.055.095	8.527.816.266

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Thu
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng

Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		13.243.823.726	10.539.972.373
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		4.022.761.684	3.657.964.110
Các khoản dự phòng	03		211.120.543	53.817.007
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(38.369.755)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(546.708.534)	(1.356.408.670)
Chi phí lãi vay	06		893.179.725	633.380.293
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		17.785.807.389	13.528.725.113
Biến động các khoản phải thu	09		(6.329.988.581)	13.473.717.954
Biến động hàng tồn kho	10		5.907.115	49.388.900
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(657.350.074)	(6.599.491.646)
Biến động chi phí trả trước	12		344.916.244	(54.908.530)
			11.149.292.093	20.397.431.791
Tiền lãi vay đã trả	14		(893.179.725)	(633.380.293)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.369.317.278)	(1.818.924.968)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.750.700.000)	(3.112.960.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.136.095.090	14.832.166.529
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(3.862.400.216)	(4.205.856.363)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	30.000.000
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi tại ngân hàng	24		-	6.567.684.800
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(270.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	1.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		8.546.708.534	1.221.408.670
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.684.308.318	5.112.967.107

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		-	2.106.570.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.680.000.000)	(1.500.000.000)
Tiền trả cổ tức	36		(8.383.373.767)	(13.643.861.215)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.063.373.767)	(13.037.291.215)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(3.242.970.359)	6.907.842.421
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		24.990.780.507	19.541.198.543
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		38.369.755	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	21.786.179.903	26.449.040.964

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Thu
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Mai Liên Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Giám định về quy cách, phẩm chất, tình trạng, số - khối lượng, bao bì và ký mã hiệu đối với mọi loại hàng hóa (gồm cả máy móc, dây chuyền công nghệ, đá quý và kim loại quý hiếm);
- Giám sát hàng hóa trong quá trình sản xuất, giao nhận, bảo quản, vận chuyển, xếp dỡ, giám sát quá trình lắp ráp thiết bị dây chuyền công nghệ và thẩm định, tư vấn, giám sát công trình xây dựng;
- Giám định các phương tiện vận tải, container, các dịch vụ giám định về hàng hải và giám định an toàn con tàu trước khi xếp hàng, phá dỡ hoặc sửa chữa;
- Giám định tổn thất và đại lý giám định tổn thất, phân bổ tổn thất cho các công ty bảo hiểm trong và ngoài nước;
- Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu;
- Dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;
- Đo lường và lập bảng dung tích các phương tiện thủy;
- Hiệu chuẩn và kiểm định các thiết bị đo lường;
- Kiểm tra phá hủy, không phá hủy;
- Giám định theo yêu cầu của mọi đối tượng để cung cấp chứng từ phục vụ công tác quản lý của Nhà nước thuộc các lĩnh vực như: Xuất xứ hàng hóa; quản lý chất lượng; an toàn, vệ sinh hàng hóa; nghiệm thu, quyết toán công trình đầu tư; bảo vệ môi trường (giám định về vệ sinh công nghiệp; giám định và xử lý nước, nước thải) các dịch vụ phục vụ thông quan;
- Các dịch vụ có liên quan: Khử trùng, thẩm định giá; giám định không phá hủy; kiểm tra kết cấu hàn các công trình; kiểm tra thiết bị và thiết bị đo lường; kiểm tra và lập bảng dung tích các loại bồn chứa, sà lan; kiểm đếm; niêm phong - cạp chì; dịch vụ kiểm tra chất lượng hệ thống quản lý theo yêu cầu của khách hàng;
- Tư vấn, đánh giá, chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế; tư vấn về chất lượng hàng hoá;
- Chứng nhận sản phẩm;

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Kiểm tra chứng nhận sự phù hợp về khả năng chịu lực của công trình; kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng, máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu công trình (theo quy định của Nhà nước);
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực chuyên môn giám sát: lắp đặt thiết bị, công nghệ điện tự động hóa;
- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;
- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ;
- Giám sát lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình xây dựng;
- Tư vấn, lắp đặt thiết bị;
- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: tư vấn, xây lắp, cung cấp, lắp đặt thiết bị;
- Tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;
- Giám sát thi công dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Ủy thác và nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hoá;
- Dịch vụ kê khai thuế hải quan;
- Tư vấn thủ tục cổ phần hóa doanh nghiệp, hợp nhất, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Đào tạo kiến thức, nghiệp vụ thẩm định giá và nghiệp vụ có liên quan khác (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ khách sạn, cho thuê văn phòng (không bao gồm phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường); và
- Dịch vụ giám định và dịch vụ khác theo sự ủy thác của mọi tổ chức giám định trong nước và quốc tế.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 3 công ty con (1/1/2017: 3 công ty con) và 2 công ty liên kết (1/1/2017: 2 công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh số 9(b) và các chi nhánh sau:

Chi nhánh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Đà Nẵng

Địa chỉ

Hà Nội, Việt Nam
Hải Phòng, Việt Nam
Quảng Ninh, Việt Nam
Đà Nẵng, Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 413 nhân viên (1/1/2017: 410 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp này tổng hợp thông tin tài chính của các chi nhánh nêu trong Thuyết minh 1(d) nhưng không bao gồm các công ty con.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính tổng hợp này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và những chi phí có liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|---------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa và vật kiến trúc | 10 – 50 năm |
| ▪ Máy móc và thiết bị | 7 – 12 năm |
| ▪ Phương tiện vận chuyển | 6 – 8 năm |
| ▪ Thiết bị và dụng cụ văn phòng | 3 – 8 năm |

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm. Quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 7 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất trong vòng 15 đến 49 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào chịu tác động bởi các biến động mùa vụ trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 Công ty không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Trong kỳ không có thay đổi nào trong cơ cấu của Công ty.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	3.083.250.868	777.265.803
Tiền gửi ngân hàng	17.011.515.533	19.709.931.371
Các khoản tương đương tiền	1.691.413.502	4.503.583.333
	<u>21.786.179.903</u>	<u>24.990.780.507</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2017				1/1/2017			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu VDP	1.920	58.800.000	(*)	-	1.920	58.800.000	(*)	-
Cổ phiếu DAS	27.000	540.000.000	(*)	(442.800.000)	27.000	540.000.000	(*)	(442.800.000)
Cổ phiếu VVFC	31.000	861.400.000	(*)	(458.400.000)	31.000	861.400.000	(*)	(458.400.000)
		1.460.200.000		(901.200.000)		1.460.200.000		(901.200.000)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là các bên liên quan như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	232.034.000	264.011.238
Công ty TNHH Giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh	2.962.390.741	802.687.444
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	29.381.663	287.021.037
Các bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	2.700.542.475	2.700.542.475
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 3 –		
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	2.413.468.953	2.103.823.327
Công ty Cargo Control Germany	2.125.764.288	1.810.766.259
Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung	1.635.887.633	-
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	1.421.450.000	4.660.845.000
Các khách hàng khác	28.474.610.253	23.009.412.696
	41.995.530.006	35.639.109.476

Khoản phải thu từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể yêu cầu thanh toán khi có nhu cầu.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu về lợi nhuận được chia từ		
Công ty TNHH Giám định Vinacontrol TP. Hồ Chí Minh	2.020.554.654	10.020.554.654
Tạm ứng cho nhân viên	3.334.075.888	2.817.199.484
Ký cược, ký quỹ	3.184.730.219	3.863.578.246
Phải thu khác	1.011.661.632	826.705.322
	9.551.022.393	17.528.037.706

12. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/6/2017			1/1/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	1.954.068.785	(574.428.691)	1.379.640.094	1.181.292.720	(354.387.816)	826.904.904
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.744.862.474	(872.431.240)	872.431.234	1.690.116.864	(845.058.433)	845.058.431
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.098.667.155	(769.067.008)	329.600.147	1.753.686.479	(1.227.580.536)	526.105.943
Quá hạn từ 3 năm trở lên	2.245.453.150	(2.245.453.150)	-	1.823.232.761	(1.823.232.761)	-
	7.043.051.564	(4.461.380.089)	2.581.671.475	6.448.328.824	(4.250.259.546)	2.198.069.278

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị và dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	51.703.752.152	31.248.751.618	14.922.473.811	4.080.803.307	101.955.780.888
Tăng trong kỳ	-	775.745.455	1.287.930.909	74.740.000	2.138.416.364
Số dư cuối kỳ	51.703.752.152	32.024.497.073	16.210.404.720	4.155.543.307	104.094.197.252
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	13.085.242.475	14.376.202.600	8.447.246.877	1.287.036.177	37.195.728.129
Khấu hao trong kỳ	1.133.233.036	1.915.145.280	674.129.433	44.341.393	3.766.849.142
Số dư cuối kỳ	14.218.475.511	16.291.347.880	9.121.376.310	1.331.377.570	40.962.577.271
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	38.618.509.677	16.872.549.018	6.475.226.934	2.793.767.130	64.760.052.759
Số dư cuối kỳ	37.485.276.641	15.733.149.193	7.089.028.410	2.824.165.737	63.131.619.981

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 12.828 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 11.469 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 14.352 triệu VND (1/1/2017: 14.463 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết****thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	9.438.663.678	528.600.000	9.967.263.678
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	92.271.247	420.141.212	512.412.459
Khấu hao trong kỳ	7.165.836	29.666.664	36.832.500
Số dư cuối kỳ	99.437.083	449.807.876	549.244.959
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	9.346.392.431	108.458.788	9.454.851.219
Số dư cuối kỳ	9.339.226.595	78.792.124	9.418.018.719

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 350 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 350 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	65.000.000	2.115.103.081
Tăng trong kỳ	1.723.983.852	56.530.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(199.965.000)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(936.000)
Số dư cuối kỳ	1.788.983.852	1.970.732.081

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Dự án xây dựng Trung tâm Phân tích và		
Thử nghiệm 1 tại Ninh Hiệp	732.016.364	50.000.000
Dự án Văn phòng Chàng Mây	356.295.688	15.000.000
Dự án phần mềm kế toán và quản trị doanh nghiệp	700.671.800	-
Số dư cuối kỳ	1.788.983.852	65.000.000

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ và	Chi phí	Tổng cộng
	trả trước	dụng cụ	trả trước khác	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.597.187.757	3.803.528.357	125.626.000	11.526.342.114
Tăng trong kỳ	-	480.571.798	149.317.840	629.889.638
Phân bổ trong kỳ	(219.080.042)	(996.214.112)	(64.739.162)	(1.280.033.316)
Số dư cuối kỳ	7.378.107.715	3.287.886.043	210.204.678	10.876.198.436

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH SGS Việt Nam	1.768.729.029	1.768.729.029	1.768.729.029	1.768.729.029
Các nhà cung cấp khác	1.387.989.292	1.387.989.292	1.795.482.169	1.795.482.169
	3.156.718.321	3.156.718.321	3.564.211.198	3.564.211.198

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Khấu trừ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.111.472.474	11.093.475.236	(3.454.662.800)	(7.066.791.676)	2.683.493.234
Thuế thu nhập doanh nghiệp	439.214.695	2.573.768.631	-	(1.369.317.278)	1.643.666.048
Thuế thu nhập cá nhân	726.366.502	1.714.427.740	-	(1.962.190.857)	478.603.385
Thuế khác	-	197.920.476	-	(197.920.476)	-
	3.277.053.671	15.579.592.083	(3.454.662.800)	(10.596.220.287)	4.805.762.667

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Trích trước tiền thuê văn phòng	773.162.222	1.546.333.310
Các khoản trích trước khác	683.928.000	432.860.500
	1.457.090.222	1.979.193.810

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	134.749.481	124.650.707
Cổ tức phải trả	50.400.245	34.126.012
Trích trước thuế thu nhập cá nhân phải trả	143.658.511	231.229.304
Phải trả Công ty TNHH Giám định Vinacontrol		
TP. Hồ Chí Minh về chuyển nhượng đất	953.845.455	-
Phải trả liên quan đến dự án Nhà máy Thủy điện		
Sơn La	-	1.000.000.000
Phải trả liên quan đến dự án Nhà máy Nhiệt điện		
Thái Bình 2	-	290.000.000
Phải trả liên quan đến dự án Hỗ trợ Y tế các tỉnh		
Đông Bắc Bộ và Đồng bằng Sông Hồng	-	565.326.582
Phải trả khác	751.337.451	320.211.400
	2.033.991.143	2.565.544.005

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay cá nhân 1	VND	6,5%	2018	460.000.000	600.000.000
Vay cá nhân 2	VND	6,5%	2018	1.160.000.000	2.470.000.000
Vay ngân hàng 1	VND	7,5%	2020	7.712.280.000	11.712.280.000
Vay ngân hàng 2	VND	7,1%	2019	1.033.140.000	1.263.140.000
Số dư cuối kỳ				10.365.420.000	16.045.420.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(958.855.384)	(3.459.141.538)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				9.406.564.616	12.586.278.462

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 14.352 triệu VND (1/1/2017: 14.463 triệu VND) (Thuyết minh 13).

Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo.

22. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các tập thể và cá nhân trong và ngoài Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	49.700.173	289.024.854
Trích lập trong kỳ	3.913.721.120	3.558.416.290
Sử dụng trong kỳ	(2.750.700.000)	(3.112.960.001)
Số dư cuối kỳ	1.212.721.293	734.481.143

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	104.999.550.000	(3.954.000)	49.595.964.345	18.067.290.106	172.658.850.451
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	8.527.816.266	8.527.816.266
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	859.722.921	(859.722.921)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(3.558.416.290)	(3.558.416.290)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(13.649.428.000)	(13.649.428.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	104.999.550.000	(3.954.000)	50.455.687.266	8.527.539.161	163.978.822.427
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	104.999.550.000	(3.954.000)	50.455.687.266	22.754.019.338	178.205.302.604
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	10.670.055.095	10.670.055.095
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.442.485.957	(10.442.485.957)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(3.913.721.120)	(3.913.721.120)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(8.399.648.000)	(8.399.648.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	104.999.550.000	(3.954.000)	60.898.173.223	10.668.219.356	176.561.988.579

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	10.499.955	104.999.550.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.499.955	104.999.550.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(395)	(3.954.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.499.560	104.995.600.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. Cổ tức

Ngày 21 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 8.400 triệu VND (ngày 26 tháng 3 năm 2016: 13.649 triệu VND).

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	166.625.000	134.625.000
Trong vòng hai đến năm năm	233.916.667	358.916.667
Sau năm năm	301.031.250	308.343.750
	701.572.917	801.885.417

(b) Ngoại tệ các loại

		30/6/2017		1/1/2017
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	250.881	5.693.585.922	115.193	2.617.488.650
EUR	226	5.828.874	231	5.492.415
		5.699.414.796		2.622.981.065

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	14.345.708.233	14.520.111.098

28. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	172.810.184	318.770.485
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	105.000.000
Cổ tức được chia	373.898.350	902.638.185
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	19.909.499	12.201.077
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	38.369.755	5.148.690
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	6.481.391
	604.987.788	1.350.239.828

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	893.179.725	633.380.293
Chi phí tài chính khác	49.313.405	62.308.441
	942.493.130	695.688.734

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.608.154.613	6.438.591.271
Chi phí văn phòng phẩm	159.560.872	170.458.461
Dự phòng phải thu khó đòi	382.412.782	732.622.015
Chi phí khấu hao	761.514.036	452.334.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.795.045.384	3.354.407.353
Chi phí khác	5.346.893.893	3.249.410.082
	17.053.581.580	14.397.823.440

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí kinh doanh	2.896.104.664	2.052.592.986
Chi phí nhân viên	54.792.579.353	55.636.915.171
Chi phí khấu hao	4.022.761.684	3.657.964.110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.189.121.660	19.890.622.363
Chi phí khác	13.701.998.350	13.043.544.166

33. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	2.573.768.631	2.012.156.107

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.243.823.726	10.539.972.373
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.648.764.745	2.107.994.475
Chi phí không được khấu trừ thuế	662.636	84.689.269
Thu nhập không bị tính thuế	(74.779.670)	(180.527.637)
Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận	(879.080)	-
	2.573.768.631	2.012.156.107

(c) Thuế suất áp dụng

Từ năm 2016, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho	
	kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Công ty con		
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định</i>		
<i>Môi trường Vinacontrol</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	13.322.727
Lợi nhuận được chia	-	255.000.000
Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định		
<i>Vinacontrol</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.706.664.363	352.007.000
Lợi nhuận được chia	-	357.000.000
Công ty TNHH Giám định Vinacontrol		
<i>TP. Hồ Chí Minh</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.228.411.457	1.404.956.943
Mua dịch vụ	486.054.644	499.425.692
Phí tư vấn	7.905.007.305	7.006.366.520
Công ty liên kết		
<i>Văn phòng Công chứng Thăng Long</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	218.262.353	197.604.324
Lợi nhuận được chia	183.674.350	186.151.185
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	269.577.841	203.672.855
Lợi nhuận được chia	126.000.000	39.375.000
Cổ đông lớn		
<i>Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước</i>		
Trả cổ tức	2.520.000.000	4.095.000.000
Quỹ Đầu tư Barca Global Master Fund		
Trả cổ tức	884.266.400	1.436.932.900

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch cho
kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2017 30/6/2016
VND VND

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt
Trả cổ tức

912.080.000 1.428.310.000

Thành viên Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và
Hội đồng Quản trị

Tiền lương và thưởng
Thù lao

1.082.472.195 985.409.372
258.000.000 258.000.000

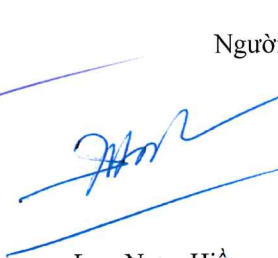
Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Thu
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN
VINACONTROL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----**

Số: 337 /TGD - TC

Hà nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017

V/v Giải trình chênh lệch LNST
trên 10% tại báo cáo kết quả kinh
doanh tổng hợp bán niên 2017.

Kính gửi: - **UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ công văn số 904/SGDHN-QLNY ngày 29/06/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố so với cùng kỳ năm trước;

Đơn vị chúng tôi xin được giải trình như sau:

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2017:	10.670.055.095 đ
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2016:	<u>8.527.816.266 đ</u>
+ Chênh lệch tuyệt đối giữa lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2017 so với 6 tháng đầu năm 2016:	2.142.238.829 đ
+ Tỷ lệ % giữa lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2017 so với 6 tháng đầu năm 2016:	125,12 %
+ Tỷ lệ tăng giữa lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2017 so với 6 tháng đầu năm 2016:	25,12 %

Nguyên nhân dẫn đến chênh lệch trên đây là do: Trong kỳ, đơn vị có doanh thu từ một số hợp đồng và dự án lớn.

Bằng công văn này đơn vị xin báo cáo để Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các cổ đông của Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu TC, VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Mai Tiến Dũng